TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM ĐÀN** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2020/HS-ST
Ngày 27 - 02 -2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Khôi.

2. Bà Nguyễn Thị Thái Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2020/TLST-HS, ngày 17 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đức T, sinh ngày 03 tháng 5 năm 1992 tại xã VD, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm VA, xã VD, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; nay là xóm VA, thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị H; họ và tên vợ: Nguyễn Thị Thu H; có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2019 đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- *Bị hại:* Chị Phạm Thị SM, sinh năm 1969; địa chỉ: Số nhà 330, khối XK, thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; nay là số nhà 330, khối SN, thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm X, xã NT, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; nay là xóm HS, xã NT, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; có mặt.

2. Anh Đinh Xuân Q, sinh năm 1983; địa chỉ: Khối NH, thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; có mặt.

3. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm BS, xã TG, huyện TC tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số nhà Y, đường H, khối Z, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

5. Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn PC, xã LT, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990; nơi ĐKHKTT: Thôn BA, xã PX, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi tạm trú: Thôn PC, xã LT, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

7. Anh Trần Ngọc C, sinh năm 1977; địa chỉ: Số nhà A, đường V, khối BY, phường HB, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

8. Chị Phan Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm B, xã DT, huyện DC, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Mai Xuân T, sinh năm 1985; địa chỉ: Khối XK, thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Xóm C, xã TD, huyện TC, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/01/2019, Nguyễn Đức T đến gặp chị Phạm Thị SM (sinh năm 1969, trú tại khối XK, thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An) để thuê xe ô tô. Tại đây, T đã ký hợp đồng với bà SM thuê 01 xe ô tô biển kiểm soát 37A-202.26, nhãn hiệu Toyota, loại Inova, màu sơn bạc với giá 700.000 đồng/1 ngày. Sau khi thuê xe, Nguyễn Đức T sử dụng xe ô tô để đi lại và chở khách kiếm tiền. Đến khoảng cuối tháng 2/2019, vì ít khách không đủ tiền tiêu xài nên Nguyễn Đức T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 37A-202.26 đến cửa hàng áo cưới Diệp Lương xóm D, xã TD, huyện TC, tỉnh Nghệ An để cầm cố xe ô tô trên cho chủ quán là chị Nguyễn Thị L (sinh năm 1987, trú tại xóm BS, xã TG, huyện TC, tỉnh Nghệ An) lấy số tiền 30.000.000 đồng. Đến khoảng đầu tháng 3/2019, tại quán bia TV thuộc xóm HL, xã VD, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An, Nguyễn Đức T đặt vấn đề muốn cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 37A-202.26 nêu trên cho anh Đinh Xuân Q để vay anh Q số tiền 30.000.000 đồng và được anh Q đồng ý. Sáng ngày hôm sau, anh Đinh Xuân Q đến cửa hàng áo cưới DL trả đủ số tiền 31.000.000 đồng và lấy xe ô tô biển kiểm soát 37A-202.26 cùng giấy tờ xe về. Sau đó Nguyễn Đức T còn nhiều lần vay thêm tiền của anh Q. Khi số tiền vay đến 207.500.000 đồng thì Nguyễn Đức T ký vào giấy mượn tiền không đề ngày tháng năm với nội dung "Nguyễn Đức T mượn của Đinh Xuân Q số tiền 207.500.000 đồng và để lại xe ô tô Innova biển số 37A-202.26 để làm tin, hẹn ngày 10/10/2019 sẽ lấy lại xe và trả tiền đầy đủ". Sau này, anh Q điền ngày 02/3/2019 vào giấy mượn tiền. Trong thời gian này,

T vẫn trả tiền thuê xe cho chị SM theo đúng hợp đồng; chị SM không biết việc T đã cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 37A-202.

Đến khoảng cuối tháng 3/2019, Nguyễn Đức T tiếp tục đến thuê thêm của chị Phạm Thị SM 01 xe ô tô biển kiểm soát 37A-432.13, nhãn hiệu Cherolet, số loại Cruze, màu sơn đen để chạy taxi kiếm tiền đóng tiền lãi, trả tiền cho anh Q và trả tiền xe cho chị SM. Chị SM và T thống nhất không làm hợp đồng thuê xe mới và viết thêm nội dung thuê xe ô tô biển kiểm soát 37A-432.13 vào hợp đồng thuê xe ô tô biển kiểm soát 37A-202.16 ngày 26/01/2019 với giá 700.000 đồng/1 ngày, thời gian sau chuyển xuống 600.000 đồng/1 ngày. Nguyễn Đức T đã sử dụng xe ô tô biển kiểm soát 37A-432.13 để đi lại và chở khách. Đến khoảng tháng 4/2019, do không có tiền tiêu nên Nguyễn Đức T điều khiển ô tô biển kiểm soát 37A-432.13 đến cửa hàng áo cưới DL tại xóm C, xã TD, huyện TC, tỉnh Nghệ An và cầm cố xe ô tô trên cho chị Nguyễn Thị L lấy số tiền 30.000.000 đồng. Khoảng 02 ngày sau thì Nguyễn Đức T trả tiền cho chị Nguyễn Thị L và lấy xe ô tô về để tiếp tục chạy taxi chở khách. Sau đó, Nguyễn Đức T nhiều lần mang xe ô tô biển kiểm soát 37A-432.13 cầm cố cho chị Nguyễn Thị L để lấy tiền tiêu xài. Khi số tiền vay nợ lên đến 130.000.000 đồng thì Nguyễn Đức T đã ký vào giấy bán xe cho cửa hàng áo cưới DL do chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1987, trú tại xóm H, xã TD, huyện TC) là nhân viên hiệu ảnh viết với nội dung "Nguyễn Đức T CMND: ACBN (ngày cấp 22-2-2018) có xe 4 chỗ màu đen biển số 37A-432.13 bán cho DL địa chỉ TD, TC, Nghệ An với số tiền 130.000.000 đồng, hẹn sau 1 tuần không có chi thay đổi thì xe thuộc về DL". Sau đó, Nguyễn Đức T tiếp tục vay thêm của chị Nguyễn Thị L số tiền 30.000.000 đồng. Khi Nguyễn Đức T vay của chị Nguyễn Thị L số tiền đến 160.000.000 đồng thì chị L không cho T vay thêm tiền nữa. Ngày 17/5/2019, tại quán cà phê KEN thuộc xã VD, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An, Nguyễn Đức T đã thỏa thuận bán lại xe cho anh Nguyễn Bá T (sinh năm 1987, trú tại xóm X, xã NT, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An) với giá 200.000.000 đồng. Ngày 18/5/2019, anh Nguyễn Bá T chuyển đủ cho Nguyễn Đức T số tiền 200.000.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ 30 cùng ngày, Nguyễn Đức T mang xe ô tô biển kiểm soát 37A-432.13 đến giao cho anh Nguyễn Bá T tại nhà anh T. Đến khoảng 09 giờ ngày 19/5/2019, Nguyễn Đức T đưa đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 37A-432.13 bản gốc mang tên Phạm Thị SM giao cho Nguyễn Bá T tại thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An.

Trong quá trình thuê xe ô tô biển kiểm soát 37A-432.13, T trả tiền thuê xe cho chị SM, đến ngày 10/5/2019 thì T không trả tiền thuê xe theo đúng hạn hợp đồng nữa. Đến khoảng cuối tháng 5/2019, khi không có khả năng trả lại tài sản trên cho chị Phạm Thị SM thì T đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 04/6/2019, khi biết T đã cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 37A-202.26 và bán xe ô tô biển kiểm soát 37A-432.13 nên chị SM đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Đàn trình báo.

Đối với xe ô tô biển kiểm soát 37A-432.13 sau khi mua lại của T, ngày 20/5/2019, Nguyễn Bá Tbán lại cho anh Nguyễn Văn T (sinh năm 1984, trú tại số nhà 303, đường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An) với giá 217.000.000 đồng. Ngày 26/5/2019, Nguyễn Văn T bán lại xe ô tô trên cho anh Nguyễn Văn H (sinh năm 1990, trú tại thôn BA, xã PX, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế) với giá 218.000.000 đồng. Anh Nguyễn Văn T nhờ chị Phan Thị H (sinh năm 1984, trú tại xóm C, xã DT, huyện DC, tỉnh Nghệ An) làm thủ tục giấy tờ sang tên di chuyển xe ô tô biển kiểm soát 37A-432.13 cho anh Đỗ Văn T. Ngày 30/5/2019, Phan Thị H đến văn phòng công chứng Trần Ngọc C tại khối K, thị trấn QH, huyện NL tỉnh Nghệ An), tại đây công chứng viên Trần Ngọc C (sinh năm 1977, trú tại khối BY, phường HB, thành phố V, tỉnh Nghệ An) đã soạn thảo hợp đồng mua bán xe ô tô biển kiểm soát 37A-432.13 giữa bà Phạm Thị SM và anh Đỗ Văn T. Sau khi soạn thảo hợp đồng xong, Phan Thị H đã giả mạo chữ ký của chị Phạm Thị SM và nhờ người khác ký chữ ký của Đỗ Văn T, Nguyễn Văn C, sau đó Trần Ngọc Cchứng thực vào hợp đồng. Sau đó, Phan Thị H mang hồ sơ đến phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nghệ An làm thủ tục sang tên di chuyển xe ô tô trên. Sau khi làm xong thủ tục, Phan Thị H mang hồ sơ gốc, giấy sang tên và hợp đồng mua bán xe đưa cho chị Vũ Thị N (sinh năm 1991, trú tại số nhà 303, đường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An) là vợ của anh Nguyễn Văn T để lấy 700.000 đồng tiền công. Sau khi nhận hồ sơ, anh Nguyễn Văn T đã gửi hồ sơ sang tên vào tỉnh Thừa Thiên Huế cho anh Nguyễn Văn H.

Ngày 07/6/2019, Nguyễn Bá T biết xe ô tô biển kiểm soát 37A-432.13 là do Nguyễn Đức T thuê của chị Phạm Thị SM nên đã liên hệ với anh Nguyễn Văn H để mua lại xe và lấy hồ sơ gốc mang đến giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Đàn. Ngày 26/6/2019, Đinh Xuân Q biết xe ô tô biển kiểm soát 37A-202.26 là của chị Phạm Thị SM nên đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Đàn.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 389 ngày 17/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Nam Đàn kết luận: "Xe ô tô nhãn hiệu Cherolet, số loại Cruze, màu sơn đen, số khung RLLJF696EAH992633, số máy F16D36438201, tại thời điểm cần định giá có giá trị là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng)". Tại bản kết luận định giá tài sản số 414 ngày 27/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Nam Đàn kết luận: "Xe ô tô BKS 37A-202.26, nhãn hiệu Toyota, số loại Innova, màu sơn bạc, số khung 43D269207735, số máy 1TR6318442 tại thời điểm cần định giá có giá trị là 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng)". Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Đức T chiếm đoạt là 400.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 09/CT-VKS-HS, ngày 17/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An truy tố Nguyễn Đức T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Về hình phạt: Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T mức án từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 12 năm 2019. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Phạm Thị SM đã nhận tài sản, không có yêu cầu gì về dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét. Buộc bị cáo Nguyễn Đức T có nghĩa vụ bồi hoàn lại cho anh Đinh Xuân Q số tiền 183.500.000 đồng; bồi hoàn lại cho anh Nguyễn Bá T số tiền 200.000.000 đồng. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức T nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị hại chị Phạm Thị SM không có yêu cầu gì thêm về dân sự, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; anh Nguyễn Bá T yêu cầu bị cáo trả số tiền đã mua xe là 200.000.000 đồng; anh Đinh Sơn Q xác định bị cáo vay số tiền 207.500.000 đồng, đã trả được 24.000.000 đồng nên yêu cầu bị cáo trả số tiền còn nợ là 183.500.000 đồng; chị Phan Thị H không có yêu cầu gì; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn T, anh Trần Ngọc C, anh Đỗ Văn T, anh Nguyễn Văn H và người làm chứng anh Mai Xuân T, chị Nguyễn Thị H vắng mặt.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo biết mình sai, xin Tòa giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về nuôi cha mẹ già và các con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Đàn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T, anh Trần Ngọc C, chị Nguyễn Thị L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Đỗ Văn T, anh Nguyễn Văn H, anh Mai Xuân T, chị Nguyễn Thị H

vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên những người này đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. Về hành vi của bị cáo: Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi của mình phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở để kết luận:

Vào ngày 26/01/2019, Nguyễn Đức T thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota, số loại Innova, màu sơn bạc, biển kiểm soát 37A-202.26 của chị Phạm Thị SM (sinh năm 1969, trú tại khối XK, thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An) trị giá 220.000.000 đồng để chạy taxi. Đến khoảng đầu tháng 3/2019, khi không có tiền tiêu và trả tiền thuê xe nên bị cáo đã cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 37A-202.26 cho anh Đinh Xuân Q (sinh năm 1983, trú tại khối BH, thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An) để vay tổng số tiền 207.500.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Khoảng tháng 3/2019, Nguyễn Đức T tiếp tục thuê xe ô tô nhãn hiệu Cherolet, số loại Cruze, màu sơn đen, biển kiểm soát 37A-432.13 của chị Phạm Thị SM trị giá 180.000.000 đồng để đi lại và chạy taxi. Đến ngày 17/5/2019, do không có tiền tiêu nên bị cáo đã bán xe ô tô biển kiểm soát 37A-432.13 cho anh Nguyễn Bá T (sinh năm 1987, trú tại xóm X, xã NT, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An) lấy số tiền 200.000.000 đồng để tiêu xài. Đến khoảng cuối tháng 5/2019, khi không còn khả năng trả lại tài sản cho chị SM nên bị cáo bỏ trốn.

Hành vi thuê tài sản thông qua hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó để cầm cố, chuyển nhượng cho người khác lấy tiền tiêu xài cá nhân dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) của Nguyễn Đức T đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 09/CT-VKS-HS ngày 17/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Nguyễn Đức T là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4]. Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm mất trật tự trị an trên địa bàn, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân.

[5]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo hai lần thực hiện hành vi "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và các lần chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02

lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn và bị truy nã gây khó khăn cho Cơ quan Điều tra vì vậy phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bà Nguyễn Thị S là bà ngoại của bị cáo được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, bị hại là chị Phạm Thị SM có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt với mức án như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn tại phiên tòa là phù hợp.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là lao động tự do, không có tài sản riêng gì nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Phạm Thị SM đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đinh Xuân Q yêu cầu Nguyễn Đức T trả số tiền còn vay nợ là 183.500.000 đồng; anh Nguyễn Bá Tyêu cầu Nguyễn Đức T trả lại số tiền 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận định: Việc nhận cầm cố, chuyển nhượng 02 chiếc xe ô tô giữa Nguyễn Đức T với anh Đinh Xuân Q và anh Nguyễn Bá T là giao dịch dân sự. Anh Đinh Xuân Q và anh Nguyễn Bá T không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Điều tra không xử lý hình sự đối với họ là có căn cứ. Các tài đã được thu hồi trả cho chủ sở hữu. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận và đồng ý trả lại số tiền trên cho anh Q và anh T nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bên liên quan.

Đối với chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn H, anh Đỗ Văn T là những người nhận cầm cố, chuyển nhượng 02 chiếc xe ô tô nhưng những người này không biết đây là các tài sản này do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự. Hiện tại những người này đã nhận đủ số tiền của mình trong quá trình giao dịch. Anh Nguyễn Văn T không có yêu cầu gì về dân sự; chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn H, anh Đỗ Văn T vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự riêng.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) xe ô tô biển kiểm soát 37A-202.26, nhãn hiệu Toyota, số loại Innova; 01 (một) đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 37A-202.26; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển kiểm soát 37A-202.26; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự xe ô tô biển kiểm soát 37A-202.26; 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Cherolet, số loại Cruze màu sơn đen; 01 (một) bộ hồ sơ sang tên bên trong là giấy tờ gốc liên quan đến xe ô tô biển kiểm soát 37A-432.13; 01 (một) đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 37A-

432.13; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển kiểm soát 37A-432.13; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự xe ô tô biển kiểm soát 37A-432.13. Cơ quan Điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu chị Phạm Thị SM theo đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Đối với hành vi của anh Trần Ngọc C là công chứng viên của Văn phòng công chứng Trần Ngọc C thuộc khối K, thị trấn QH, huyện NL, tỉnh Nghệ An đã chứng thực hợp đồng mua bán xe ô tô biển kiểm soát 37A-432.13 mà không có mặt các bên trong hợp đồng, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Đàn đã kiến nghị Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An xử lý theo quy định. Chị Phan Thị H là người nhận và đã giả mạo chữ ký của người liên quan để làm thủ tục hồ sơ chuyển nhượng xe ô tô cho anh Nguyễn Văn T và anh Đỗ Văn T tại Văn phòng công Trần Ngọc C. Tuy nhiên, hồ sơ chưa được sang tên và các bên đã nhận lại tiền và tài sản theo hợp đồng. Trường hợp hành vi của công chứng viên và chị Phan Thị H gây thiệt hại khác và có tranh chấp thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự riêng.

[10].Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Do bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả số tiền cho anh Đinh Xuân Q và anh Nguyễn Bá T với tổng số tiền là 383.500.000 đồng nên bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng đối với số tiền trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 07 (Bảy) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 12 năm 2019.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và những người liên quan đến vụ án: Buộc bị cáo Nguyễn Đức T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Đinh Xuân Q số tiền 183.500.000 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng); hoàn trả lại cho anh Nguyễn Bá T số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 19.175.000 đồng (Mười chín triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được Thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Đàn;
- Bị cáo;
- Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Chi cục THADS huyện Nam Đàn;
- Công an huyện Nam Đàn;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Lài